

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
 ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 17/02/2025

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,800	5.08%
2	BCG	300	0.20%
3	BID	100	0.45%
4	BVH	100	0.60%
5	CMG	100	0.49%
6	CTG	400	1.78%
7	DBC	100	0.30%
8	DCM	100	0.39%
9	DGC	100	1.18%
10	DGW	100	0.42%
11	DIG	200	0.40%
12	DPM	100	0.40%
13	DXG	300	0.48%
14	EIB	700	1.47%
15	EVF	300	0.34%
16	FPT	600	9.53%
17	FRT	100	2.09%
18	GAS	100	0.74%
19	GEX	300	0.72%
20	GMD	200	1.35%
21	GVR	100	0.33%



22	HAG	300	0.41%
23	HCM	200	0.64%
24	HDB	1,200	3.01%
25	HDG	100	0.30%
26	HHV	200	0.28%
27	HPG	1,600	4.58%
28	HSG	200	0.37%
29	KBC	200	0.65%
30	KDC	100	0.64%
31	KDH	200	0.74%
32	LPB	1,300	5.35%
33	MBB	1,500	3.76%
34	MSB	1,000	1.25%
35	MSN	400	2.99%
36	MWG	500	3.03%
37	NAB	500	0.95%
38	NKG	200	0.30%
39	NLG	100	0.35%
40	OCB	600	0.75%
41	PAN	100	0.30%
42	PCI	100	0.26%
43	PDR	200	0.42%
44	PLX	100	0.46%
45	PNJ	100	1.05%
46	POW	300	0.40%
47	PVD	100	0.27%
48	PVT	100	0.29%
49	REE	100	0.74%
50	SAB	100	0.57%
51	SBT	200	0.29%
52	SHB	1,400	1.66%
53	SSB	900	1.92%
54	SSI	600	1.64%
55	STB	800	3.36%
56	TCB	2,000	5.70%
57	TCH	200	0.34%
58	TPB	600	1.11%
59	VCB	300	3.01%
60	VCG	100	0.24%
61	VCI	200	0.78%
62	VHM	500	2.13%
63	VIB	900	2.02%
64	VIC	500	2.21%

3270
CỘNG
HỢP
ĐỊA
CHÍNH
TRỊ
VIỆT
NAM
HỮU
TRƯ

65	VIX	600	0.67%
66	VJC	100	1.06%
67	VND	500	0.70%
68	VNM	400	2.64%
69	VPB	1,900	3.96%
70	VRE	400	0.73%
II.	Tiền/Cash (VND)	46,472,792	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	911,928,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	958,400,792
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	46,472,792

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	25,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,650	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	144,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	61,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	22,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	55,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	95,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	26,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	12,750	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

78 -
 TỶ
 +
 + VIỆ
 ĐẤU
 HOÁN
 3 - TP.

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)

